

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 158/2025/HC-PT

Ngày: 13/3/2025

V/v Khiếu kiện hành vi hành
chính trong lĩnh vực đất đai

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuyền;

Các Thẩm phán: Ông Điều Văn Hằng;

Ông Phạm Văn Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thanh Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Vi Thị Tuyết Minh - Kiểm sát viên cao cấp tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 3 năm 2025, tại Điểm cầu trung tâm: Phòng xét xử trực tuyến – Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và Điểm cầu thành phần: Phòng xét xử trực tuyến – Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 53/2025/TLPT-HC ngày 15 tháng 01 năm 2025 về việc “*Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2024/HC-ST ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1721/2025/QĐ-PT ngày 20 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Phan Văn H, sinh năm 1962, địa chỉ: Thôn D, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên. **Có mặt.**

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc C - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện V. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T - Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện V. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc C - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện V. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.2. Ủy ban nhân dân xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Hoa C1 - Chức vụ: Chủ tịch UBND xã X. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.3. Công ty cổ phần T1.

Địa chỉ: Khu đô thị T, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Công H1 - Phó Tổng Giám đốc Công ty. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.4. Bà Trịnh Thị H2, sinh năm 1969; bà Phan Thị H3, sinh năm 1972; anh Phan Đức H4, sinh năm 1990; cùng địa chỉ: Thôn D xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên. **Vắng mặt.**

3.5. Chị Phan Thị V, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn B, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên. **Vắng mặt.**

4. Người kháng cáo: Người khởi kiện là ông Phan Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện là ông Phan Văn H trình bày:

Theo Biên bản giao đất cho các hộ gia đình năm 1998 thể hiện các thành viên hộ gia đình ông Phan Văn H được nhà nước giao đất nông nghiệp để phục vụ sản xuất. Hộ gia đình ông Phan Văn H sử dụng đất ổn định, đúng mục đích.

Ngày 24/04/2012, Chủ tịch Ủy ban nhân dân (*viết tắt là UBND*) huyện V đã chỉ đạo, tổ chức cưỡng chế thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình ông Phan Văn H tại địa bàn xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên để giao cho Công ty cổ phần T1 làm dự án xây dựng. Hành vi chỉ đạo tổ chức cưỡng chế thu hồi đất nêu trên của Chủ tịch UBND huyện V đã vi phạm các quy định của pháp luật đất đai, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện bởi các lý do sau đây:

- Dự án Ecopark Văn G không chứng minh được lý do thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định tại Điều 39 Luật Đất đai năm 2003.

- Tại thời điểm cưỡng chế thu hồi đất, Chủ tịch UBND huyện V chưa có đủ căn cứ pháp lý về văn bản phê duyệt, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của cấp có thẩm quyền, không có Thông báo thu hồi đất, không ra Quyết định thu hồi đất hoặc Quyết định cưỡng chế thu hồi đất; không xây dựng Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. UBND xã không niêm yết quyết định cưỡng chế thu hồi đất tại trụ sở UBND xã theo quy định.

- Chủ tịch UBND huyện V chỉ đạo tổ chức cưỡng chế thu hồi đất mà không

bàn bạc với các hộ có đất bị thu hồi và Hội đồng nhân dân các cấp là trái pháp luật.

Người khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố hành vi cưỡng chế thu hồi đất nói trên của Chủ tịch UBND huyện V là trái pháp luật; yêu cầu Công ty cổ phần T1 ngừng ngay hoạt động thi công và hoàn trả tài sản đất đai đã được bàn giao do hành vi cưỡng chế ngày 24/4/2002 của Chủ tịch UBND huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện V, tỉnh Hưng Yên trình bày:

- *Về chủ trương đầu tư:* Dự án Khu đô thị T được triển khai theo Quyết định số 742/QĐ-TTg ngày 30/6/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thu hồi 5.540.712m² đất tại các xã X, P, C, L, T, thị trấn V thuộc huyện V; các xã H, Y, Y thuộc huyện Y và các xã Đ, T, D thuộc huyện K, tỉnh Hưng Yên; giao toàn bộ diện tích đất thu hồi cho Chủ đầu tư để thực hiện dự án xây dựng tuyến đường từ cầu T đi thị xã H đoạn từ huyện V đến xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên theo phương thức sử dụng quỹ đất để tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng.

UBND tỉnh H đã ban hành Quyết định 2549/QĐ-UB và Quyết định số 2550/QĐ-UB ngày 21/10/2004 để thực hiện việc thu hồi đất theo Quyết định nói trên của Chính phủ; ban hành Quyết định số 2006/QĐ-UB ngày 08/6/2005 về việc phê duyệt phương án bồi thường và hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất, giao đất cho Công ty Cổ phần Đ, để xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu Đô thị -, địa phận xã X, huyện V.

- *Về công tác giải phóng mặt bằng:* Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện V đã tiến hành kiểm kê, lập phương án trình UBND huyện V ban hành quyết định phê duyệt; tổ chức niêm yết công khai phương án bồi thường để người dân được biết và kiểm tra; tổ chức chi trả cho các hộ tự nguyện nhận tiền và bàn giao mặt bằng; chuyển tiền vào Ngân hàng đối với các hộ chưa nhận tiền.

Tổng số hộ gia đình đã nhận tiền bồi thường giải phóng mặt bằng và bàn giao mặt bằng tính đến trước thời điểm thực hiện việc cưỡng chế là 1560 hộ/1720 hộ; tổng số hộ gia đình còn lại không nhận tiền bồi thường giải phóng mặt bằng và không bàn giao mặt bằng tính đến trước thời điểm thực hiện cưỡng chế là 160 hộ, diện tích phải cưỡng chế khoảng 5,86 ha. Tính đến thời điểm thực hiện cưỡng chế, số hộ gia đình đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ là 1623 hộ/1720 hộ; số hộ gia đình chưa nhận tiền là 97 hộ.

Do một số hộ dân bị thu hồi đất không thực hiện quyết định thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền, cố tình không nhận tiền bồi thường giải phóng mặt bằng, không di chuyển tài sản, cây cối hoa màu để bàn giao đất và không ký biên bản bàn giao đất nên UBND xã X đã lập biên bản vi phạm hành chính và đề nghị UBND huyện V xử phạt vi phạm hành chính.

Ngày 13/12/2011, Chủ tịch UBND huyện V đã ban hành các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các hộ gia đình có vi phạm theo quy định tại Điều 39, Điều 40 Luật Đất đai năm 2003 sửa đổi, bổ sung năm 2009 và Điều 17

Nghị định số 105/2009/NĐ-CP ngày 11/11/2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Ngày 05/4/2012, Chủ tịch UBND huyện V đã ban hành Quyết định về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế bằng các biện pháp cưỡng chế khác để thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với các hộ dân không chấp hành quyết định xử phạt, trong đó có hộ gia đình ông Phan Văn H. Biện pháp cưỡng chế là: Giải tỏa mặt bằng trên thực địa để bàn giao đất theo các Quyết định và Thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Thời gian thực hiện cưỡng chế: Từ ngày 20/4/2012.

Ngày 24/4/2012, UBND huyện V tổ chức thực hiện cưỡng chế ngoài thực địa; kết quả cưỡng chế được lập thành biên bản và gửi cho hộ gia đình ông Phan Văn H nhưng hộ gia đình không hợp tác.

Căn cứ các quy định của pháp luật về việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt hành chính trong lĩnh vực đất đai; sau khi rà soát, đối chiếu với các văn bản thuộc hồ sơ cưỡng chế và trình tự các bước thực hiện cưỡng chế nêu trên, Chủ tịch UBND huyện tổ chức cưỡng chế thu hồi đất ngày 24/4/2012 đối với người khởi kiện là đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND huyện V, tỉnh Hưng Yên trình bày: Thống nhất quan điểm, đề nghị của người bị kiện và không bổ sung nội dung gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND xã X, huyện V trình bày: Việc cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch UBND huyện V đối với hộ gia đình người khởi kiện đã bảo đảm đúng trình tự, tuân theo quy định pháp luật nên đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty T1 trình bày: Toàn bộ dự án của Công ty được nhà nước giao đất là đúng quy định của pháp luật, do đó đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trịnh Thị H2, bà Phan Thị H3, anh Phan Đức H4, chị Phan Thị V (là các thành viên hộ gia đình người khởi kiện) trình bày: Thống nhất với yêu cầu của người khởi kiện, không ai có ý kiến khác.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2024/HC-ST ngày 02 tháng 7 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên đã căn cứ Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 39, Điều 44 Luật Đất đai năm 2003; Điều 66, Điều 67 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn H.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 09/7/2024, người khởi kiện là ông Phan Văn H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện; người bị kiện vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Kháng cáo của ông Phan Văn H trong thời hạn luật định và hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ông Phan Văn H khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố hành vi cưỡng chế thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình ông để giao cho Công ty cổ phần T1 thực hiện dự án Khu đô thị T là trái pháp luật; đây là các hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai bị kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 3 và khoản 1 Điều 30 Luật Tố tụng hành chính.

Ngày 24/4/2012, Chủ tịch UBND huyện V tổ chức cưỡng chế, thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các hộ gia đình vi phạm trên thực địa. Ngày 22/3/2013, ông Phan Văn H có đơn khởi kiện nộp tại Tòa án nhân dân huyện Văn Giang là đảm bảo về thời hiệu khởi kiện. Năm 2018, Tòa án nhân dân huyện Văn Giang chuyển hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên giải quyết. Sau khi nhận được đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên đã yêu cầu đương sự bổ sung tài liệu, chứng cứ, nhưng do vụ án có liên quan đến trên 100 hộ dân cùng khởi kiện và có nhiều đương sự ở nhiều nơi, đòi hỏi người khởi kiện cần nhiều thời gian thu thập tài liệu để giao nộp cho Tòa án. Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm còn gặp trở ngại khách quan đó là đại dịch Covid 19, khiến cho mọi hoạt động giữa Tòa án và đương sự đều bị gián đoạn, quá trình giải quyết vụ án bị kéo dài. Tuy nhiên, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên thụ lý và giải quyết theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền, đảm bảo về thời hiệu và điều kiện khởi kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 32 và điểm a khoản 2, khoản 4 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên không xem xét, giải quyết yêu cầu khởi kiện buộc Công ty Cổ phần T1 phải ngừng ngay việc thi công và trả lại quyền sử

dụng đất cho người khởi kiện do đây không phải hành vi hành chính của cơ quan hoặc của người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính là phù hợp quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 3; khoản 1 Điều 30 Luật Tố tụng hành chính.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự: Tại phiên tòa phúc thẩm, một số đương sự vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; một số đương sự vắng mặt nhưng không lý do; xét việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét kháng cáo của người khởi kiện, căn cứ quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính 2015, Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét kháng cáo của ông Phan Văn H, HĐXX thấy:

[2.1] Dự án Khu đô thị T được triển khai theo Quyết định số 742/QĐ-TTg ngày 30/6/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thu hồi 5.540.712m² đất thuộc một số xã trong tỉnh Hưng Yên và giao toàn bộ diện tích đất thu hồi cho Chủ đầu tư để thực hiện dự án xây dựng tuyến đường từ cầu T đi thị xã H đoạn từ huyện V đến xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên theo phương thức sử dụng quỹ đất để tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng.

Do một số hộ dân bị thu hồi đất không thực hiện quyết định thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền, cố tình không nhận tiền bồi thường giải phóng mặt bằng, không di chuyển tài sản, cây cối hoa màu để bàn giao đất và không ký biên bản bàn giao đất nên UBND xã X đã lập biên bản vi phạm hành chính và đề nghị UBND huyện V xử phạt vi phạm hành chính.

Ngày 13/12/2011, Chủ tịch UBND huyện V đã ban hành các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các hộ gia đình có vi phạm theo quy định tại Điều 39, Điều 40 Luật Đất đai năm 2003 sửa đổi, bổ sung năm 2009 và Điều 17 Nghị định số 105/2009/NĐ-CP ngày 11/11/2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai trong đó có hộ gia đình ông Phan Văn H. Theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, người vi phạm ngoài việc phải chịu hình thức xử phạt tiền, còn buộc phải di chuyển cây cối, hoa màu, các loại tài sản khác trên đất để bàn giao đúng thời hạn. Thời hạn người vi phạm thực hiện quyết định hành chính là 10 ngày, kể từ ngày được giao quyết định, quá thời hạn mà không tự nguyện thi hành thì bị cưỡng chế. Hộ gia đình ông Phan Văn H đã được tổ công tác của UBND xã X giao trực tiếp Quyết định xử phạt vi phạm hành chính nhưng đã từ chối nhận văn bản.

Ngày 05/4/2012, Chủ tịch UBND huyện V đã ban hành Quyết định về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế bằng các biện pháp cưỡng chế khác để thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với các hộ dân không chấp hành quyết định xử phạt.

Sau khi ban hành Quyết định số 5533/QĐ-XPHC ngày 13/12/2011 về việc xử phạt vi phạm hành chính, Quyết định số 653/QĐ-CCK ngày 05/4/2012 về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế, thông qua bộ máy giúp việc, Chủ tịch UBND huyện V đã giao cho các cá nhân, hộ gia đình có liên quan, đối với các trường hợp không ký nhận văn bản thì đã được niêm yết công khai, thông báo trên các phương tiện truyền thanh của địa phương hoặc cử người đại diện của chính quyền cơ sở đến

gặp để vận động, thuyết phục. Đã có hơn 93,7% người dân trong cùng địa phương biết và chấp hành. Ngày 24/4/2012, Chủ tịch UBND huyện V tổ chức thi hành biện pháp cưỡng chế giải tỏa mặt bằng trên thực địa để bàn giao đất theo các Quyết định và Thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền là đúng về thẩm quyền và đảm bảo về trình tự, thủ tục, thời hạn bàn giao Quyết định cưỡng chế và còn trong thời hiệu thi hành quyết định cưỡng chế hành chính theo quy định tại Điều 39 Luật Đất đai năm 2003; Điều 4, Điều 6, Điều 7, Điều 9 Nghị định số 37/2005/NĐ-CP ngày 18/3/2005 của Chính phủ. Kết quả cưỡng chế được lập thành biên bản và gửi cho hộ gia đình ông Phan Văn H nhưng hộ gia đình không hợp tác.

Ý kiến của người khởi kiện cho rằng không nhận được Thông báo hoặc không biết về nội dung Nhà nước thu hồi đất là không có cơ sở, không được chấp nhận. Sau khi nhận được hoặc biết được các Quyết định trên, người khởi kiện không có khiếu nại hoặc khởi kiện, do đó Quyết định xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế của Chủ tịch UBND huyện V có hiệu lực thi hành.

[2.2] Hành vi hành chính thi hành quyết định cưỡng chế hành chính để thu hồi đất vào mục đích lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng của Chủ tịch UBND huyện V là đúng các quy định tại Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ, hành vi này được thực hiện sau khi đã tổ chức hội nghị họp dân, đối thoại để tuyên truyền, vận động, giải thích, thuyết phục các hộ dân ủng hộ dự án; phổ biến chính sách bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng cùng các khoản hỗ trợ của Chủ đầu tư nhằm đảm bảo lợi ích cho người có đất bị thu hồi, nhưng cá nhân, hộ gia đình người khởi kiện không chấp hành, không hợp tác.

[2.3] Từ những phân tích, nhận định nêu trên, HĐXX thấy yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện về việc tuyên hành vi hành chính thi hành quyết định cưỡng chế hành chính của Chủ tịch UBND huyện V trái pháp luật là không có căn cứ và không được chấp nhận.

[2.4] Đối với UBND xã X, UBND huyện V là cấp chính quyền tại địa phương, đã thực hiện đúng các chức năng, nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật về hoạt động quản lý hành chính; Công ty cổ phần T1 là tổ chức được nhà nước giao đất theo đúng quy định nên không phải thực hiện nghĩa vụ nào khác theo yêu cầu khởi kiện.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Phan Văn H không xuất trình tài liệu, chứng cứ mới chứng minh yêu cầu kháng cáo của mình là có cơ sở. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc bác kháng cáo của ông Phan Văn H và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm là phù hợp.

[4] Về án phí: Mặc dù kháng cáo không được chấp nhận nhưng xét ông Phan Văn H là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, vì vậy HĐXX phúc thẩm miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Phan Văn H theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng

ngộ có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Bác kháng cáo của ông Phan Văn H và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm 20/2024/HC-ST ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

2. Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Phan Văn H.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Cục THADS tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HSVA, P.HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Văn Tuyền